

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I - NĂM 2010

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I - 2010	Quý I - 2009
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	139.687.252.408	114.186.452.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	5.112.573	2.034.986
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	139.682.139.835	114.184.417.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	128.432.091.541	100.100.362.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.250.048.294	14.084.055.466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.644.847.497	2.327.842.086
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	0	27.665.828
Trong đó : Chi phí lãi vay	23			27.665.828
8. Chi phí bán hàng	24	VI.33	4.601.258.068	3.867.813.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	2.943.941.342	4.086.319.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = (20 + (21 - 22) - (24 + 25))}	30		6.349.696.381	8.430.098.662
11. Thu nhập khác	31		21.035.115	19.466.939
12. Chi phí khác	32		10.074.314	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.960.801	19.466.939
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.360.657.182	8.449.565.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.592.741.965	1.477.175.346
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.840.909	2.840.909
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.765.074.308	6.969.549.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.34	1.361	3.983

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU VÂN

Kế toán trưởng



LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP

TP.HCM, ngày 04 tháng 05 năm 2010



Tổng Giám đốc



LÊ VĂN MỸ